

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM  
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

.617  
CÔNG  
TNH  
CÁN  
VIỆ  
F.P

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Lê Xuân Khôi	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2020)
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Minh Huy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Văn Huân**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021



Số: 169/2021/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vicem và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**Trịnh Thanh Thanh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2820-2020-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>326.017.062.253</b>	<b>314.528.069.881</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>20.407.199.266</b>	<b>13.215.546.389</b>
1. Tiền	111	4.1	20.407.199.266	13.215.546.389
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>140.109.765.802</b>	<b>134.339.867.800</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.990.879.270	20.990.879.270
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.069.495.270)	(4.780.295.270)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		121.188.381.802	118.129.283.800
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>163.929.402.860</b>	<b>165.541.719.603</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	158.610.389.803	163.577.462.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.067.952.989	691.767.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	4.888.205.932	3.202.975.867
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.637.145.864)	(1.930.485.482)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.421.956.454</b>	<b>571.211.602</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	1.421.956.454	571.211.602
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>148.737.871</b>	<b>859.724.487</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		144.988.769	857.322.554
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	3.749.102	2.401.933
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>92.466.487.515</b>	<b>112.587.623.995</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>92.466.487.515</b>	<b>112.587.623.995</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	92.466.487.515	112.587.623.995
Nguyên giá	222		263.421.077.382	261.714.626.876
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.954.589.867)	(149.127.002.881)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>418.483.549.768</b>	<b>427.115.693.876</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.235.425.246</b>	<b>91.309.158.072</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.235.425.246</b>	<b>91.309.158.072</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	60.656.729.319	76.016.328.562
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.406.861.526	2.019.538.371
3. Phải trả người lao động	314	4.11	12.513.368.504	9.032.693.936
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	1.948.647.018	587.600.932
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	807.825.153	1.738.023.677
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	2.901.993.726	1.914.972.594
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>338.248.124.522</b>	<b>335.806.535.804</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.15	<b>338.248.124.522</b>	<b>335.806.535.804</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		124.017.503.555	120.157.473.979
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.223.515.474	30.959.293.173
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.881.133.597	1.756.035.062
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.342.381.877	29.203.258.111
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		896.322.161	578.985.320
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>418.483.549.768</b>	<b>427.115.693.876</b>



**Đỗ Văn Huân**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

**Trần Thị Lý**  
**Kế toán trưởng**

**Võ Thị Ngọc Diễm**  
**Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	282.084.120.294	271.910.968.529
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		282.084.120.294	271.910.968.529
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	237.067.070.275	225.369.944.913
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.017.050.019	46.541.023.616
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	10.541.895.504	9.467.268.384
6. Chi phí tài chính	22	5.4	(2.710.690.904)	(1.409.616.000)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	24.904.439.561	20.253.558.628
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.365.196.866	37.164.349.372
9. Thu nhập khác	31		268.561.861	294.789.375
10. Chi phí khác	32		458.978.589	638.946.108
11. Lợi nhuận khác	40		(190.416.728)	(344.156.733)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.174.780.138	36.820.192.639
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	6.515.061.420	7.442.921.410
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.659.718.718	29.377.271.229
15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.342.381.877	29.203.258.111
16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		317.336.841	174.013.118
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.3	2.010	1.580
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	2.010	1.580



**Đỗ Văn Huân**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

**Trần Thị Lý**  
**Kế toán trưởng**

**Võ Thị Ngọc Diễm**  
**Người lập**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.174.780.138	36.820.192.639
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	22.270.202.843	22.524.491.757
Các khoản dự phòng	03		(3.004.139.618)	(917.955.408)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.668.591.956)	(9.583.650.358)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		41.772.251.407	48.843.078.630
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.269.346.018	(37.081.058.522)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(850.744.852)	916.392.087
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.459.593.941)	30.317.262.482
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(7.117.572.026)	(7.504.091.503)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.506.308.868)	(5.798.336.301)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		18.107.377.738	29.693.246.873
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.149.066.363)	(1.801.936.858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		144.412.728	122.477.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(153.973.075.637)	(199.656.702.978)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		150.913.977.635	169.527.419.178
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.872.823.356	8.444.960.404
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		4.809.071.719	(23.363.782.981)

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.724.796.580)	(19.655.995.725)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(15.724.796.580)</b>	<b>(19.655.995.725)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>7.191.652.877</b>	<b>(13.326.531.833)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.215.546.389	26.542.078.222
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>20.407.199.266</b>	<b>13.215.546.389</b>

**Đỗ Văn Huân**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

**Trần Thị Lý**  
**Kế toán trưởng****Võ Thị Ngọc Diễm**  
**Người lập**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định Số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ cổ phần hóa từ Xi nghiệp Vận tải của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 07 năm 2020 để đổi tên công ty (tên cũ: Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên) và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
<b>Cộng</b>	<b>131.040.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>131.040.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 241 (31 tháng 12 năm 2019 là: 231).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (từ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, trừ cho thuê lại lao động);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

**1.6. Công ty con được hợp nhất**

**Công ty con trực tiếp:**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Lầu 05, Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	65%	65%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

***Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

*(Xem trang tiếp theo)*





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

#### 3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### 3.3. Đầu tư tài chính

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

##### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

##### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

##### ***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.4. Nợ phải thu

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.5. Hàng tồn kho

#### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 05 -10 năm  |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 10 năm      |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 - 08 năm |

### 3.7. Thuê tài sản

#### *Thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### 3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### 3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

***Quý dự trữ***

Các quý dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quý dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.11. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**3.12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

**3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.15. Thuế

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

#### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

### 3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	262.023.738	162.407.747
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.145.175.528	13.053.138.642
<b>Cộng</b>	<b><u>20.407.199.266</u></b>	<b><u>13.215.546.389</u></b>

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Chứng khoán kinh doanh là khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Giá gốc	20.990.879.270	20.990.879.270
Giá trị hợp lý	18.921.384.000	16.210.584.000
Dự phòng	(2.069.495.270)	(4.780.295.270)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	102.070.463.380	112.727.213.518
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Long Phước	26.737.794.884	15.250.343.596
Các khách hàng khác	29.802.131.539	35.599.905.104
<b>Cộng</b>	<b><u>158.610.389.803</u></b>	<b><u>163.577.462.218</u></b>

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	389.355.989	-
Trả trước cho người bán:		
Công ty Cổ phần Hàng Hải Seven Seas	460.000.000	-
Ông Đỗ Khởi Nguyên	418.000.000	400.000.000
Các nhà cung cấp khác	800.597.000	291.767.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.067.952.989</u></b>	<b><u>691.767.000</u></b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	2.777.568.553	-	2.126.212.681	-
Ký cược, ký quỹ	690.000.000	-	300.000.000	-
Phải thu khác	1.420.637.379	-	776.763.186	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.888.205.932</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.202.975.867</u></b>	<b><u>-</u></b>

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.793.560.733	156.414.869	3.013.287.990	1.082.802.508

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	Trên 03 năm	979.302.000	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Cát Tường Hậu Giang	459.522.890	-	Trên 03 năm	459.522.890	-	Trên 03 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại DIC	190.452.185	57.135.655	Từ 02 đến dưới 03 năm	190.452.185	95.226.093	Từ 01 đến dưới 02 năm
Công ty TNHH Sơn Hạ Long	30.000.000	9.000.000	Từ 02 đến dưới 03 năm	45.000.000	22.500.000	Từ 01 đến dưới 02 năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư Tổng hợp & Hợp tác Quốc tế	18.596.737	9.298.368	Từ 01 đến dưới 02 năm	58.596.737	41.017.716	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm
Các khách hàng khác	115.686.921	80.980.846	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.280.414.178	924.058.699	Trên 06 tháng
<b>Cộng</b>	<b>1.793.560.733</b>	<b>156.414.869</b>		<b>3.013.287.990</b>	<b>1.082.802.508</b>	

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	753.376.472	-	412.606.500	-
Công cụ, dụng cụ	140.088.738	-	4.045.102	-
Hàng gửi đi bán	528.491.244	-	154.560.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.421.956.454</b>	<b>-</b>	<b>571.211.602</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	2.203.932.585	255.660.226.380	3.850.467.911	261.714.626.876
Mua trong năm	-	-	2.149.066.363	2.149.066.363
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(442.615.857)	(442.615.857)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>2.203.932.585</b>	<b>255.660.226.380</b>	<b>5.556.918.417</b>	<b>263.421.077.382</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	2.051.706.600	144.993.886.982	2.081.409.299	149.127.002.881
Khấu hao trong năm	60.890.388	21.645.281.112	564.031.343	22.270.202.843
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(442.615.857)	(442.615.857)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>2.112.596.988</b>	<b>166.639.168.094</b>	<b>2.202.824.785</b>	<b>170.954.589.867</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	152.225.985	110.666.339.398	1.769.058.612	112.587.623.995
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>91.335.597</b>	<b>89.021.058.286</b>	<b>3.354.093.632</b>	<b>92.466.487.515</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 41.671.259.826 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	721.387.097	721.387.097	461.307.827	461.307.827
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	29.646.720.068	29.646.720.068	39.432.944.115	39.432.944.115
Công ty TNHH Vận tải Hàn Tiến	7.310.277.704	7.310.277.704	7.018.744.915	7.018.744.915
Phải trả cho các đối tượng khác	22.978.344.450	22.978.344.450	29.103.331.705	29.103.331.705
<b>Cộng</b>	<b>60.656.729.319</b>	<b>60.656.729.319</b>	<b>76.016.328.562</b>	<b>76.016.328.562</b>

**4.10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	9.403.803.484	9.403.803.484	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.749.102	1.217.462.889	6.516.408.589	7.117.572.026	2.401.933	1.818.626.326
Thuế thu nhập cá nhân	-	189.398.637	728.684.328	740.197.736	-	200.912.045
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.284.036.728	1.284.036.728	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.749.102</b>	<b>1.406.861.526</b>	<b>17.938.933.129</b>	<b>18.551.609.974</b>	<b>2.401.933</b>	<b>2.019.538.371</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.11. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên.

**4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	1.739.647.018	490.600.932
Các khoản chi phí phải trả khác	209.000.000	97.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.948.647.018</b>	<b>587.600.932</b>

**4.13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Cổ tức phải trả	3.689.705	3.686.285
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	546.000.000
Các khoản phải trả khác	258.135.448	1.188.337.392
<b>Cộng</b>	<b>807.825.153</b>	<b>1.738.023.677</b>

**4.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	1.914.972.594	2.059.490.666
Trích lập trong năm	8.493.330.000	5.653.818.229
Sử dụng trong năm	(7.506.308.868)	(5.798.336.301)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.901.993.726</b>	<b>1.914.972.594</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND		
Tại ngày 01/01/2019	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	30.223.088.782	404.972.202	331.739.082.804	
Lãi trong năm trước	-	-	-	29.203.258.111	174.013.118	29.377.271.229	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.157.235.491	(3.157.235.491)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.653.818.229)	-	(5.653.818.229)	
Chia cổ tức	-	-	-	(19.656.000.000)	-	(19.656.000.000)	
Tại ngày 01/01/2020	131.040.000.000	53.070.783.332	120.157.473.979	30.959.293.173	578.985.320	335.806.535.804	
Lãi trong năm nay	-	-	-	26.342.381.877	317.336.841	26.659.718.718	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.860.029.576	(3.860.029.576)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(8.493.330.000)	-	(8.493.330.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	(15.724.800.000)	-	(15.724.800.000)	
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>131.040.000.000</b>	<b>53.070.783.332</b>	<b>124.017.503.555</b>	<b>29.223.515.474</b>	<b>896.322.161</b>	<b>338.248.124.522</b>	

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.15.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	26.342.381.877	29.203.258.111
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(8.493.330.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.342.381.877	20.709.928.111
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	13.104.000	13.104.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.010</b>	<b>1.580</b>

(\*) Đến ngày phát hành báo cáo này, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020.

**4.15.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	26.342.381.877	29.203.258.111
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(8.493.330.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.342.381.877	20.709.928.111
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.104.000	13.104.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.010</b>	<b>1.580</b>

(\*) Đến ngày phát hành báo cáo này, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	124,87	69.838,07

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	254.104.914.291	246.268.490.433
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	11.759.296.805	6.236.670.173
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	9.132.550.356	11.976.624.688
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	4.183.957.990	4.512.327.781
Doanh thu cho thuê kho	2.400.000.000	2.400.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	503.400.852	516.855.454
<b>Cộng</b>	<b>282.084.120.294</b>	<b>271.910.968.529</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	156.940.499.087	153.853.214.329

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	229.039.959.919	214.185.233.596
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.027.110.356	11.184.711.317
<b>Cộng</b>	<b>237.067.070.275</b>	<b>225.369.944.913</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.222.995.228	8.159.989.085
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.301.184.000	1.301.184.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.716.276	6.095.299
<b>Cộng</b>	<b>10.541.895.504</b>	<b>9.467.268.384</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.710.800.000)	(1.409.616.000)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	109.096	-
<b>Cộng</b>	<b>(2.710.690.904)</b>	<b>(1.409.616.000)</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.323.311.972	9.689.183.861
Chi phí vật liệu quản lý	296.244.785	415.136.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	672.392.546	414.960.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	624.921.731	502.325.093
Thuế phí, lệ phí	1.858.276.176	2.213.775.004
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(293.339.618)	491.660.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.870.941.074	1.588.170.089
Chi phí khác bằng tiền	5.551.690.895	5.028.347.713
<b>Cộng</b>	<b>24.904.439.561</b>	<b>20.253.558.628</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.341.709.159	24.060.645.736
Chi phí nhân công	50.060.692.514	45.939.137.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.270.202.843	22.524.491.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.183.046.776	144.406.645.959
Chi phí khác bằng tiền	7.115.858.544	8.692.582.499
<b>Cộng</b>	<b>261.971.509.836</b>	<b>245.623.503.541</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	33.174.780.138	36.820.192.639
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.017.993.524	1.695.598.411
Trừ: Thu nhập được miễn thuế	(1.301.184.000)	(1.301.184.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	32.891.589.662	37.214.607.050
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	6.578.317.933	7.442.921.410
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(63.256.513)	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>6.515.061.420</b>	<b>7.442.921.410</b>

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty cung cấp, hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại Việt Nam nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty cùng Công ty mẹ
3. Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
4. Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty
5. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty cùng Công ty mẹ
6. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty cùng Công ty mẹ
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm Công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng:</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	96.781.961.761	108.782.187.380
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	3.401.546.498	547.299.542
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	1.886.955.121	3.293.895.044
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	-	103.831.552
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b><u>102.070.463.380</u></b>	<b><u>112.727.213.518</u></b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn - Xem thêm mục 4.4:</b>		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	389.355.989	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn:</b>		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	(721.387.097)	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	-	(461.307.827)
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.9</b>	<b><u>(721.387.097)</u></b>	<b><u>(461.307.827)</u></b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Trong năm, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	142.775.674.651	142.150.700.471
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	6.433.873.175	10.668.163.700
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	7.548.748.719	497.545.038
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	182.202.542	536.805.120
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b>156.940.499.087</b>	<b>153.853.214.329</b>

Thuê tài sản:

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	3.349.677.420	-
--	---------------	---

Mua dịch vụ:

Tổng công ty Xi măng Việt Nam	702.686.214	1.362.078.930
-------------------------------	-------------	---------------

Cổ tức đã chia:

Tổng công ty Xi măng Việt Nam	7.874.979.840	9.843.541.500
-------------------------------	---------------	---------------

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	760.080.000	754.080.000
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 17/06/2020)	36.000.000	-
Ông Lê Xuân Khôi	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/04/2020)	18.000.000	48.000.000
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	464.712.000	462.069.500
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên HĐQT	48.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	48.000.000	32.000.000
Ông Hồ Sỹ An	Thành viên HĐQT	48.000.000	32.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.422.792.000</b>	<b>1.360.149.500</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	222.000.000	222.000.000

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là dưới 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	2.310.036.728	1.598.857.088

Tại ngày 31/12/2020, Nhóm Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Từ 1 năm trở xuống	258.000.000	853.193.280

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích):

	Tại ngày 01/01/2020 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2020 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Vốn khác của chủ sở hữu	-	114.060.604.975
Quỹ đầu tư phát triển	120.157.473.979	6.096.869.004

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên để đảm bảo tính phù hợp của số liệu so sánh và bản chất của các nghiệp vụ phát sinh. Ban Tổng Giám đốc tin rằng, việc báo cáo lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	<b>Năm 2019</b> <b>VND</b> (Được báo cáo lại)	<b>Năm 2019</b> <b>VND</b> (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.580	2.229
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.580	2.229

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 được báo cáo lại do Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 48/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 17 tháng 06 năm 2020.

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù không tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Nhóm Công ty đến ngày 31/12/2020 nhưng Nhóm Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



**Đỗ Văn Huân**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

**Trần Thị Lý**  
**Kế toán trưởng**

**Võ Thị Ngọc Diễm**  
**Người lập**